

THÔNG TIN THUỐC THÁNG 11 NĂM 2024 CÁC DẠNG THUỐC VIÊN KHÔNG ĐƯỢC NHAI, NGHIỀN, BỂ

Hiện nay cùng với sự phát triển kinh tế xã hội thì ngành công nghiệp dược phẩm cũng liên tục phát triển, sản xuất ra nhiều loại thuốc và dạng thuốc mới phục vụ cho nhu cầu điều trị. Thông thường, thuốc dùng đường uống là dạng thuốc dễ sử dụng, người bệnh có thể tự uống thuốc. Tuy nhiên, nhiều người sẽ gặp khó khăn khi uống thuốc dạng rắn như: trẻ em, người già, người đặt ống sond dạ dày, người có vấn đề về nuốt không nuốt được nguyên viên thuốc (hóa trị liệu, đột quỵ, parkinson...). Lúc đó, người bệnh sẽ nhai, nghiền, bể nhỏ viên thuốc hoặc bóc vỏ viên nang để cho dễ nuốt. Việc phá vỡ cấu trúc của thuốc dẫn đến một số rủi ro sau:

- Thay đổi quá trình giải phóng thuốc, thay đổi dược động học của thuốc và dẫn đến mất hoặc giảm hiệu quả điều trị của thuốc hoặc gây độc tính cho người bệnh.
- Làm lộ ra mùi vị khó chịu của dược chất hoặc kích ứng dạ dày.
- Mất một lượng thuốc trong quá trình nghiền, dẫn đến liều điều trị không đủ mang lại hiệu quả lâm sàng.

Do đó, một số thuốc không được nhai, nghiền, bể nhỏ đó là các dạng sau:

1. Thuốc giải phóng dược chất có kiểm soát hoặc kéo dài

Là dạng thuốc có bao một lớp màng đặc biệt hoặc có khung trợ giúp giải phóng dược chất từ từ trong ống tiêu hóa để cho tác dụng kéo dài. Thuốc có tác dụng trong thời gian dài nếu phá hủy cấu trúc này sẽ giải phóng thuốc ồ ạt gây tác dụng không mong muốn do quá liều.

Dấu hiệu nhận biết: tên thuốc thường có tên kết thúc bằng các kí hiệu như sau:

| Ký hiệu | Tên tiếng Anh | Tên tiếng Việt |
|---------|---------------------|--------------------------|
| LA | Long acting | Tác dụng kéo dài |
| CR | Controlled release | Phóng thích có kiểm soát |
| CD | Controlled delivery | Phóng thích có kiểm soát |
| SR | Sustained release | Phóng thích chậm |
| XL/XR | Extended release | Phóng thích kéo dài |
| SA | Sustained action | Tác dụng kéo dài |
| DA | Delayed action | Tác dụng kéo dài |
| MR | Modified release | Tác dụng kéo dài |
| ER | Extended release | Tác dụng kéo dài |
| PA | Prolonged action | Tác dụng kéo dài |
| Retard | Retard | Phóng thích chậm |
| TR | Timed Release | Tác dụng kéo dài |

Với một số công thức viên nang, các đặc tính giải phóng kiểm soát được tích hợp vào các hạt riêng lẻ chứa trong viên nang, có thể mở viên nang và sử dụng các hạt này dưới dạng không nghiền nát.

2. Thuốc có mùi khó chịu

Viên thuốc được bao film hoặc bao đường để che lấp mùi vị khó chịu của dược chất. Khi nhai, nghiền, bẻ viên thuốc sẽ phá vỡ lớp bao này sẽ làm giải phóng mùi vị gây khó uống thuốc.

Không nên nhai, nghiền những thuốc mà dược chất có *mùi vị khó chịu* như PenicillinV, ciprofloxacin, cefuroxim, meprobamate, berberin hoặc dược chất gây *kích ứng niêm mạc đường tiêu hóa* như alendronate. Đối với người bệnh gặp vấn đề về nuốt, cần xem xét thay thế bằng dạng bào chế khác như dạng thuốc tiêm, thuốc dạng lỏng, thuốc dán, thuốc đạn...

Nếu không có dạng bào chế khác thay thế, khuyến khích bệnh nhân thử nuốt thuốc bằng một số biện pháp hỗ trợ sau: dùng cốc uống đặc biệt oralflo (chất lỏng nằm trong cốc và nắp giữ thuốc trong một vòi được thiết kế đặc biệt. Khi uống, thuốc và chất lỏng được nuốt cùng nhau), uống nước trước khi uống thuốc để làm ướt miệng và họng, thực hành nuốt với thức ăn có kích thước tăng dần.

3. Thuốc bao tan trong ruột

Là dạng thuốc được bao bọc bởi một lớp màng sẽ tan ở khoảng PH nhất định, thuốc đi qua dạ dày còn nguyên vẹn và chỉ tan ở phần đầu ruột non (tá tràng) và phóng thích dược chất ở ruột.

Mục đích của dạng thuốc này giúp:

- Ngăn ngừa dược chất bị phân hủy trong môi trường acid dạ dày như thuốc ức chế bơm proton.

- Tránh kích ứng đường tiêu hóa, tránh tổn thương răng và niêm mạc miệng, ngăn ngừa dược chất phóng thích ở dạ dày, gây hại cho niêm mạc dạ dày (như viên nén bao tan ở ruột aspirin pH = 8).

- Duy trì dạng thuốc đến vị trí đích ở đường tiêu hóa như sulfamid.

Với dạng thuốc này rất cần uống nguyên cả viên thuốc. Không được bẻ nhỏ, kể cả nhai, ngâm. Tên thuốc thường có tên kết thúc bằng các kí hiệu **EC/EN** (Enteric Coated)

4. Thuốc viên sủi

Thuốc cần hòa tan trong nước trước khi uống. Không được bẻ nhỏ viên sủi cho vào miệng uống.

Với mong muốn cung cấp thêm thông tin cho nhân viên y tế nhằm góp phần sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả, hợp lý, kinh tế. Khoa Dược xin cung cấp danh mục các thuốc viên không được nhai, nghiền, bẻ như sau:

| DANH MỤC THUỐC KHÔNG ĐƯỢC NHAİ, NGHIỀN, BẺ | | | | | |
|---|------------------|----------------------|------------------|--|------------|
| STT | Tên thuốc | Hoạt chất | Hàm lượng | Quy cách đóng gói | ĐVT |
| 1. | Aspirin PH8 | Acetylsalicylic acid | 81mg | Hộp 20 vỉ*10v, viên bao tan trong ruột. Uống | Viên |

| | | | | | |
|-----|---------------------------------|----------------------------|---|---|------|
| 2. | Alanboss XL 10 | Alfuzosin HCl | 10mg | Hộp 3 vỉ* 10 viên, viên phóng thích kéo dài. Uống | Viên |
| 3. | Alsiful S.R. Tablets 10mg | Alfuzosin HCl | 10mg | Hộp 3 vỉ*10v, viên nén phóng thích chậm. Uống | Viên |
| 4. | Betaloc Zok 25mg | Metoprolol succinat | Metoprolol succinat 23,75mg (tương đương Metoprolol tartrate 25mg) | Hộp 1 vỉ*14v,viên nén phóng thích kéo dài. Uống | Viên |
| 5. | Betaloc Zok50mg | Metoprolol succinat | Metoprolol succinat 47,5mg (tương đương Metoprolol tartrate 50mg) | Hộp 2 vỉ*14v, viên nén phóng thích kéo dài. Uống | Viên |
| 6. | Milepsy 200Mg | Natri Valproate | 200mg | Hộp 3 vỉ x10v, viên nén bao tan trong ruột . Uống | Viên |
| 7. | Nifedipin Hasan 20 Retard | Nifedipin | 20mg | Hộp 10 vỉ*10v, viên nén bao phim tác dụng kéo dài. Uống | Viên |
| 8. | Glucophage XR-750 | Metformin hydrochloride | 750mg | Hộp 3 vỉ*10v, viên nén phóng thích chậm. Uống | Viên |
| 9. | Glucophage XR-500 | Metformin hydrochloride | 500mg | Hộp 4 vỉ*15v, viên nén phóng thích chậm. Uống | Viên |
| 10. | Panfor SR- 500 mg | Metformin hydrochloride | 500mg | Hộp 5 vỉ*20v, viên nén phóng thích chậm. Uống | |
| 11. | Vaspycar MR | Trimetazidine | 35mg | Hộp 2 vỉ x 30 viên nén bao phim giải phóng có biến đổi, uống | Viên |
| 12. | Vastarel OD 80 mg | Trimetazidine | 80 mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng giải phóng kéo dài , uống | Viên |
| 13. | Raciper 20 | Esomeprazol | 20mg | Hộp 4 vỉ x 7 viên; | Viên |

| | | | | | |
|-----|-----------------|--|---------------------|--|------|
| | mg | | | Viên nén bao tan trong ruột, Uống | |
| 14. | Estor 40 mg | Esomeprazol | 40mg | Hộp 4 vỉ x 7 viên; Viên nén bao tan trong ruột, Uống | Viên |
| 15. | Imidu 60 mg | Isosorbic-5-mononitrat | 60 mg | Hộp 3 vỉ x 10 viên; Viên nén bao tác dụng kéo dài, Uống | Viên |
| 16. | Ciprofloxacin | Ciprofloxacin hydrochlorid | 500mg | Hộp 10 vỉ*10v, viên nén bao phim. Uống | Viên |
| 17. | Travinat | Cefuroxim | 500mg | Hộp 2 vỉ*10v, viên nén dài bao phim. Uống | Viên |
| 18. | Panalgan | Paracetamol 325 mg, Tramadol 37,5 mg | 325 mg + 37,5 mg | Hộp 4 vỉ* 4 viên nén sủi bọt. Uống | Viên |
| 19. | Paracetamol 500 | Paracetamol | 500 mg | Hộp 4 vỉ xé*4 viên. Viên nén sủi bọt. Uống | Viên |
| 20. | Calci D-Hasan | Calci carbonat 1250 mg+ Cholecalciferol 4,40 mg | 1250 mg+ 4,40 mg | Hộp 1 tuýp * 18 viên nén sủi bọt. Uống | Viên |